

Số: 24/2026/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 31 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;
hỗ trợ bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn,
bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật viên chức số 129/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 5988/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi đào tạo, bồi
dưỡng công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 545/BC-HĐND
ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi đào tạo, bồi
dưỡng công chức, viên chức; hỗ trợ bồi dưỡng người hoạt động không chuyên
trách ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; hỗ trợ bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Đối với các chương trình, đề án, dự án, do các cơ quan có thẩm quyền ban hành có quy định riêng về chế độ, mức chi đào tạo, bồi dưỡng thì thực hiện theo quy định của chương trình đề án, dự án đó.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã.

b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo công chức trong nước

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

2. Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Mức hỗ trợ theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (có khoảng cách từ trụ sở cơ quan công tác đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên).

a) Hỗ trợ một phần tiền ăn: 150.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Chi phí đi lại (một lượt đi và về thời điểm nghỉ lễ hoặc nghỉ tết): Thanh toán theo giá vé xe vận tải hành khách công cộng. Đối với những nơi không có phương tiện vận tải hành khách công cộng thì được thanh toán theo hình thức khoán tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km, giá xăng làm căn cứ thanh toán là giá bán lẻ của một loại xăng phổ biến trên thị trường (do doanh nghiệp đầu mỗi công bố theo quy định của Nhà nước) tại thời điểm đi lại.

c) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): 1.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp các lớp mà thời gian học tập trung trong tháng dưới 15 ngày thì được tính hỗ trợ là $\frac{1}{2}$ tháng (*một phần hai tháng*) và thời gian học tập trung trong tháng từ 15 ngày trở lên thì được tính hỗ trợ là 01 tháng.

4. Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người/tháng. Trường hợp các lớp mà thời gian học tập trung trong tháng dưới 15 ngày thì được tính hỗ trợ là $\frac{1}{2}$ tháng (*một phần hai tháng*) và thời gian học tập trung trong tháng từ 15 ngày trở lên thì được tính hỗ trợ là 01 tháng.

Điều 3. Nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước và hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Các nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng công chức, giao nhiệm vụ soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện; hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

a) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên, bao gồm tiền soạn giáo án, bài giảng; một buổi giảng được tính bằng 04 tiết học và tiền công được tính theo số tiết thực giảng:

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư; Tiến sĩ khoa học; Chuyên gia cao cấp: 4.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sĩ: 3.500.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các chức danh tương đương: 3.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc các Sở và các chức danh tương đương: 2.500.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Vụ trưởng, Phó Giám đốc các Sở, Ủy viên Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường; trưởng, phó các phòng, ban thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã và tương đương: 1.500.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã, phường; phó trưởng phòng thuộc các đơn vị sự nghiệp, chi cục thuộc các cơ quan chuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các chức danh tương đương; giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã: 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Mức chi tiền công đối với trợ giảng: Bằng 50% mức chi tiền công của giảng viên, báo cáo viên của cùng một buổi giảng.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: 300.000 đồng/người/ngày.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định như sau:

- Chi thanh toán phương tiện đi lại: Thanh toán bằng giá vé phương tiện vận tải hành khách công cộng. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Thanh toán trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện và hóa đơn, chứng từ thực tế thuê xe.

- Chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

d) Chi dịch thuật: Thực hiện theo mức chi dịch thuật quy định tại khoản 6 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học: 20.000 đồng/người/buổi.

e) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Áp dụng mức chi tiền công ra đề thi, coi thi, chấm thi quy định tại Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng căn cứ dự toán được giao quyết

định mức cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

f) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc.

- Học viên đạt loại xuất sắc: 400.000 đồng/học viên/khóa bồi dưỡng.

- Học viên đạt loại giỏi: 300.000 đồng/học viên/khóa bồi dưỡng.

g) Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong những ngày đi thực tế: 150.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Đi thực tế ngoài tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày; đi thực tế trong tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

h) Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo.

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn: Mức chi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

- Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về thời điểm nghỉ lễ hoặc nghỉ tết): Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

- Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Mức chi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử công chức đi bồi dưỡng thực hiện: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ công chức những nội dung chi sau:

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về thời điểm nghỉ lễ hoặc nghỉ tết); Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho công chức được cử đi bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Mức chi hỗ trợ không vượt mức chi quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được

cử tham gia bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức chi theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập và mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và không vượt mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 5. Nội dung và mức chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện mức chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Các nội dung chi tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng (ngoài nội dung, mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên): Thực hiện theo nội dung, mức chi tổ chức hội nghị quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

Điều 6. Nội dung và mức chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.

2. Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức: Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

3. Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức: Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp, kinh phí chi thường xuyên giao hằng năm của các cơ quan, đơn vị, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Đối với kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026, các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các cơ quan, đơn vị đã được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026 nhưng chưa kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.
2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.
 - b) Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - c) Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ

sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trường hợp công chức, viên chức đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Minh Ngân